TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/HNGĐ-ST
Ngày 21 – 01 – 2021
V/v tranh chấp ly hôn và
chia tài sản chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Huỳnh Ngọc Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoài Phong

Ông Nguyễn Văn Hiển.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 21 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 529/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2020 về việc "tranh chấp ly hôn và chia tài sản chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 542/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thanh Th, sinh năm 1996; cư trú tại: Ấp Tân An Ninh A, xã Tạ An Khương N, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn*: Anh Đoàn Minh Kh, sinh năm 1996; cư trú tại: Ấp Tân Hiệp Lợi B, xã Tân Đ, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Đoàn Văn T; cư trú tại: Ấp Tân Hiệp Lợi B, xã Tân Đ, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Bà Trần Thủy T; cư trú tại: Ấp Tân Hiệp Lợi B, xã Tân Đ, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án của chị Trần Thanh Th thể hiện*:

- Về hôn nhân: Chị Th và anh Đoàn Minh Kh chung sống năm 2019, hôn nhân thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Đ. Sau khi

kết hôn anh, chị chung sống hạnh phúc nhưng thời gian sau phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống nên đã ly thân đầu năm 2020, mỗi người có cuộc sống riêng. Nay chị Th xác định mục đích hôn nhân của chị với anh Kh không đạt được nên yêu cầu được ly hôn anh Kh.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung: Trong ngày cưới cha mẹ chồng là ông Đoàn Văn T và bà Trần Thị Mỹ T có cho vợ chồng 12 chỉ vàng 24k, hiện đang do ông T, bà T mượn. Nay anh chị ly hôn, chị yêu cầu ông T, bà T trả lại để phân chia cho vợ chồng mỗi người hưởng ½.

- Về nợ chung: Quá trình chung sống anh Kh và chị Th không có nợ ai; người khác nợ lại anh, chị là ông Đoàn Văn T và bà Trần Thị Mỹ T nợ 12 chỉ vàng 24k. Khi ly hôn chị Th yêu cầu ông T và bà T trả chị và anh Kh phân chia mỗi người hưởng ½.

** Đối với anh Đoàn Văn Kh, ông Đoàn Văn T và bà Trần Mỹ T:* Mặc dù đã được tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng về yêu cầu khởi kiện của chị Th nhưng anh Kh, ông T và bà T không có ý kiến gì và không tham gia hòa giải và xét xử.

* Theo đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 20/01/2021 chị Th vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với anh Kh, về tài sản chung chị Th yêu cầu tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết, về số nợ chị Th đặt ra ông T và bà T nợ 12 chỉ vàng 24k, chị yêu cầu được tự thỏa thuận với ông T và bà T, không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, trường hợp sau này có tranh chấp sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thanh Th có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; anh Đoàn Minh Kh, ông Đoàn Văn T và bà Trần Mỹ T đã được Tòa án triệu tập đến lần thứ hai để tham gia xét xử nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định.

Về phạm vi khởi kiện: Theo đơn khởi kiện chị Th yêu cầu phân chia tài sản chung là 12 chỉ vàng 24k, số vàng này chị Th và anh Kh cho cha mẹ chồng là ông Đoàn Văn T và bà Trần Mỹ T mượn. Chị Th yêu cầu ông T và bà T trả lại để chị và anh Kh phân chia mỗi người được hưởng ½. Quá trình giải quyết vụ án chị Th rút lại yêu cầu phân chia tài sản, rút lại yêu cầu ông T và bà T trả 12 chỉ vàng 24k để tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của chị Th là tự nguyện, căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện này của chị T phù hợp.

[2] Về nội dung: Chị Th và anh Kh chung sống vào năm 2019, đăng ký

kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Đ, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau. Khi về chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm nên đã ly thân. Chị Th xác định mục đích hôn nhân của chị và anh Kh không đạt được nên yêu cầu được ly hôn anh Kh. Anh Kh không có ý kiến về các nội dung và yêu cầu xin ly hôn của chị Th.

Xét yêu cầu của chị Th, thấy rằng: Chị Th yêu cầu ly hôn nhưng qua các lần triệu tập hòa giải, xét xử anh Kh đều vắng mặt không có lý do, thể hiện việc anh Kh không có thiện chí hòa giải, hàn gắn; điều đó cho thấy tình trạng hôn nhân của anh, chị đã trầm trọng và không thể hàn gắn trở lại nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Th, cho chị Th và anh Kh ly hôn là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Chị Th xác định chị và anh Kh không có con chung nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và các vấn đề khác: Chị Th rút lại yêu cầu phân chia tài sản là 12 chỉ vàng 24k; rút lại yêu cầu ông T và bà T trả 12 chỉ vàng 24k để các bên tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Trường hợp có tranh chấp sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Th phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng. Án phí dân sự sơ thẩm chị Th được nhận lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 244 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thanh Th. Cho chị Trần Thanh Th được ly hôn với anh Đoàn Minh Kh.

2. Đình chỉ yêu cầu của chị Th về việc yêu cầu phân chia tài sản chung là 12 chỉ vàng 24k và yêu cầu ông Đoàn Văn T và bà Trần Mỹ T trả lại cho chị và anh Kh 12 chỉ vàng 24k. Chị Th có quyền khởi kiện lại theo quy định.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Th phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011513 ngày 06 tháng 11 năm 2020 của

Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi (chị Th đã nộp xong). Hoàn trả cho chị Th án phí dân sự sơ thẩm số tiền 1.350.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011512 ngày 06 tháng 11 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Ủy ban nhân dân xã Tân Th;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)
Huỳnh Ngọc Mai